

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ
dùng cho hệ đào tạo Sau đại học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/TTg, ngày 15 tháng 6 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập và Quản lý Kinh doanh Hà Nội và Quyết định số 750/TTg ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học dân lập Quản lý và Kinh doanh Hà Nội thành Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội do Đại hội đồng cổ đông lần thứ XVIII ngày 7 tháng 8 năm 2016 thông qua;

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ và Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sỹ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-BGH ngày 21/ 9/ 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội về việc tăng thời lượng đào tạo trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này các Chương trình đào tạo trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ đã được điều chỉnh theo hướng “tập trung vào các mục tiêu chủ yếu”:

25

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, mã ngành 8.340.101
- Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng, mã ngành 8.340.201
- + Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng (chuyên sâu về Tài chính)
- + Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng (chuyên sâu về Ngân hàng)
- Thạc sỹ Kế toán, mã ngành 8.340.301
- Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh, mã ngành 8.220.201
- Thạc sỹ Kỹ thuật phần mềm, mã ngành 8.480.103
- Thạc sỹ Công nghệ Thông tin, mã ngành 8.480.201
- Thạc sỹ Hệ thống thông tin, mã ngành 8.480.104
- Thạc sỹ Kiến trúc, mã ngành 8.580.101
- Thạc sỹ Quản lý Công, mã ngành 8.340.403
- Thạc sỹ Quản lý Kinh tế, mã ngành 8.340.410
- Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh, mã ngành 9.340.101

Điều 2: Các chương trình đào tạo nêu trên được áp dụng cho các khóa tuyển sinh từ năm 2019, thay thế cho các chương trình đào tạo Thạc sỹ, Tiến sỹ đã công bố trước đây.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông/ Bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Tài chính – Kế toán, Khoa học và Đảm bảo Chất lượng, Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Chủ nhiệm các khoa chuyên ngành và Khoa tham gia đào tạo sau đại học; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VP, QLĐT, VSDH.

HIỆU TRƯỞNG 



GS. Trần Phương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

Ban hành kèm theo Quyết định số 189/QĐ-BGH ngày 9 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng
(Áp dụng cho Khóa tuyển sinh từ năm 2019)

Tên ngành: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã ngành: 8.480.201

Tổng số tín chỉ cần tích lũy: 60, trong đó

- Số tín chỉ bắt buộc: 30

- Số tín chỉ tự chọn: 18

- Luận văn thạc sỹ: 12

Thời gian đào tạo: 2 năm

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
1	KIẾN THỨC CHUNG		12				
1.1	Phương pháp luận (Triết và Logic học)	281001 281002	4	2	2		K. Triết và KHXH
1.2	Phương pháp nghiên cứu Khoa học	331001	2	1	1		Viện SDH
1.3	Tiếng Anh (trình độ B1)	231030	6	3	3		K. NN Anh
2	KIẾN THỨC NGÀNH						
A	Bắt buộc		18				
2.1	Nguyên lý Ngôn ngữ lập trình	361001	3	1	2		Khoa CNTT
2.2	Cơ sở Dữ liệu nâng cao	361002	3	1	2		Khoa CNTT
2.3	Các hệ phân tán	361003	3	1	2		Khoa CNTT
2.4	Công nghệ phần mềm nâng cao	361004	3	1	2		Khoa CNTT
2.5	Mạng máy tính nâng cao	361005	3	1	2		Khoa CNTT
2.6	Các hệ cơ sở tri thức	361006	3	1	2		Khoa CNTT
	Báo cáo chuyên đề về phát triển ngành CNTT trong và ngoài nước		1	0	1		Khoa CNTT
B	Tự chọn (chọn 6/ 10 học phần)		18				
2.7	Quản trị Dự án	361007	3	1	2		Khoa CNTT
2.8	Kiểm thử, đảm bảo chất lượng phần mềm	361008	3	1	2		Khoa CNTT
2.9	Hệ thống thông tin quản lý	361009	3	1	2		Khoa CNTT
2.10	Khai phá dữ liệu	361010	3	1	2		Khoa CNTT

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ			Học phần tiên quyết	Đơn vị phụ trách
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành		
2.11	Kiến trúc phần mềm và ứng dụng	361011	3	1	2		Khoa CNTT
2.12	Nguyên lý lập trình song song	361012	3	1	2		Khoa CNTT
2.13	Lập trình nhúng	361013	3	1	2		Khoa CNTT
2.14	An toàn và bảo mật thông tin	361014	3	1	2		Khoa CNTT
2.15	Phân tích và đánh giá thuật toán	361015	3	1	2		Khoa CNTT
2.16	Mạng không dây và di động	361016	3	1	2		Khoa CNTT
3	LUẬN VĂN THẠC SĨ		12				Khoa CNTT
	TỔNG SỐ		60				

HIỆU TRƯỞNG *tv*



GS. Trần Phương